

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 463/2024/HC-PT

Ngày: 22/8/2024

V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơm;

Các Thẩm phán: Ông Phùng Hải Hiệp;

Ông Bùi Anh Thắng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương Liên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:** Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 269/2024/TLPT-HC ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”;

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2024/HC-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 8190/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Phạm Văn B, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu C thôn N, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội; (Có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B: Luật sư Ngô Thành B1 và Luật sư Nguyễn Văn N – Chi nhánh Công ty L1 tại Hải Phòng; địa chỉ: Lô A, KĐT K, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; (Có mặt tại phiên tòa).

- **Người bị kiện:**

1. Chủ tịch UBND huyện M.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thanh H – Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 01/8/2024); (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chủ tịch UBND thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trọng Đ – Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 11/7/2024); (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND huyện M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thanh H – Phó Chủ tịch; (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. UBND xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đa B2 – Chủ tịch; (Vắng mặt).

3. Thành viên Hộ gia đình ông Phạm Văn B gồm: Bà Trần Thị B3, anh Phạm Thế T, anh Phạm Hào Q; cùng địa chỉ: Khu C thôn N, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội; (Đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/4/2017, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Phạm Văn B trình bày:

Từ năm 2013, ông Phạm Văn B và một số hộ dân khác có đơn khiếu nại tới UBND huyện M về việc không được nhận tiền đền bù hỗ trợ công cải tạo đất và các khoản đền bù hỗ trợ hoa màu trên diện tích đất đầu thầu theo danh sách nhận tiền đợt 1 năm 2012 và theo Quyết định 1863/QĐ-UBND của UBND huyện M ngày 07/3/2012 (hỗ trợ công cải tạo đất là 50%) thuộc dự án đường trục trung tâm khu đô thị M (đường A).

Ông B cho rằng sau khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực, UBND huyện M đã áp dụng luật mới ban hành các quyết định phê duyệt đợt 6 và đợt 9 để gia đình ông B chỉ nhận được mức hỗ trợ công cải tạo đất 10% mà không xem xét đến nội dung khiếu nại của ông B và một số hộ dân không được nhận tiền bồi thường hỗ trợ theo danh sách đợt 1 năm 2012.

Ngày 28/9/2015, Chủ tịch UBND huyện M ban hành (Phó Chủ tịch Đoàn Văn T1 ký) Quyết định giải quyết khiếu nại số 4582/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 4582/QĐ) với nội dung UBND huyện M căn cứ vào các quyết định phê duyệt đợt 9, ông B được hưởng 10% công cải tạo đất. Ông B không đồng ý với Quyết định số 4582/QĐ nên đã khiếu nại đến UBND thành phố H. Sau hơn 01 năm Thanh tra thành phố Hà Nội xác minh, báo cáo, ngày 18/4/2017, ông B nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố H số 2250/QĐ-UBND đề ngày 13/4/2017 (viết tắt là Quyết định số 2250/QĐ) do ông Nguyễn Quốc H1 ký thay Chủ tịch nhưng không có chữ “TM.UBND” với nội dung “Đồng ý với Quyết định số 4582/QĐ-UBND ngày 28/9/2015 của UBND huyện M về giải quyết khiếu nại liên quan đến phương án chi tiết, phương án hỗ trợ công cải tạo đất đối với hộ ông Phạm Văn B...”.

Ông B cho rằng, Quyết định số 4582/QĐ và Quyết định số 2250/QĐ không giải quyết đúng đối tượng bị khiếu nại, làm thiệt hại quyền được nhận tiền bồi thường hỗ trợ đối với công cải tạo đất của gia đình ông B theo danh sách đợt 1 mà UBND huyện M đã chi trả trong năm 2012.

Ông Phạm Văn B khởi kiện yêu cầu Tòa án:

1. Hủy Quyết định số 4582/QĐ của Chủ tịch UBND huyện M;
2. Hủy Quyết định số 2250/QĐ của Chủ tịch UBND thành phố H;
3. Buộc UBND huyện M cho gia đình ông B 50% tiền công hỗ trợ cải tạo đất theo Quyết định số 1683/QĐ-UBND của UBND huyện M ngày 07/3/2012 về bồi thường hỗ trợ công cải tạo đất đối với đất công ích.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện M (do người đại diện) trình bày:

Ngày 04/9/2015, Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số 4388/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ công tác xác minh nội dung khiếu nại quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ GPMB đợt 9 khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Thành phần đường trục trung tâm đô thị mới M đoạn qua xã Đ của ông Phạm Văn B, thôn N, xã Đ.

Ngày 15/9/2015, Tổ công tác (tại Quyết định số 4388/QĐ-UBND ngày 04/9/2015) ban hành Kế hoạch số 01/KH-TCT về việc kiểm tra xác minh nội dung khiếu nại Quyết định số 6286/QĐ-UBND ngày 17/10/2014 của UBND huyện M. Cùng ngày, Tổ công tác tổ chức làm việc, đối thoại với ông Phạm Văn B tại UBND xã Đ và thẩm tra xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 21/9/2015, Tổ công tác ban hành Báo cáo số 04/BC-TCT về việc xác minh nội dung khiếu nại của ông Phạm Văn B, thôn N, xã Đ chưa nhận tiền hỗ trợ GPMB dự án: Thành phần đường trục trung tâm đô thị mới M đoạn qua xã Đ.

Ngày 28/9/2015, Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số 4582/QĐ về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn B, khu C, thôn N, xã Đ (lần 01) theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định trình tự giải quyết khiếu nại hành chính. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố H (do người đại diện) trình bày:

Diện tích đất 4.170,8m² tại thửa số 03, 04, tờ bản đồ số 02, bản đồ năm 1986 khu vực đầm liến, thôn N, xã Đ, huyện M là diện tích đất nông nghiệp do UBND xã Đ quản lý giao thầu khoán cho hộ ông B theo hợp đồng ký hàng năm có thời hạn 01 năm/01 lần.

Ngày 02/01/2012, UBND xã Đ và ông Phạm Văn B ký Hợp đồng giao khoán số 03/HĐ-GK về việc giao nhận khoán trồng cây hàng năm, cây lúa (đất 01 vụ) trên diện tích đất công xã giao cho ông Phạm Văn B diện tích 29.760m² đất, tờ bản đồ số 02 thuộc quỹ đất công xã, khu vực đầm liến, thôn N, xã Đ, huyện M thời hạn hợp đồng là 01 năm kể từ ngày 01/01/2012 đến hết ngày 31/12/2012. Ngày 24/9/2012, ông B nộp tiền theo Hợp đồng giao khoán số 03/HĐ-GK số tiền 17.206.800 đồng, phiếu thu số PT000069.

Ngày 31/12/2012, UBND xã Đ và ông Phạm Văn B ký Biên bản thanh lý Hợp đồng giao khoán số 03/HĐ-GK với diện tích 29.760m² đất.

Ngày 01/01/2013, UBND xã Đ và ông Phạm Văn B ký Hợp đồng giao khoán số 05/HĐ-GK về việc giao nhận khoán trồng cây hàng năm, cây lúa (đất

01 vụ) trên diện tích đất công xã giao cho ông Phạm Văn B diện tích 25.589,2m², tờ bản đồ số 02, khu vực đầm liến, thôn N, xã Đ, huyện M. Cùng ngày, UBND xã Đ và ông Phạm Văn B kí biên bản làm việc về việc bàn giao mặt bằng đã thanh lý hợp đồng, nội dung tóm tắt: Đại diện UBND xã Đ và đại diện hộ dân cùng nhau thống nhất lập biên bản bàn giao mặt bằng đối với phần diện tích UBND xã Đ quản lý, có giao thầu khoán cho các hộ gia đình, cá nhân và UBND xã đã thanh lý hợp đồng với các hộ dân khu vực đất đầm, xứ đồng Thầu Lầu, thôn T, cụ thể hộ ông Phạm Văn B giao lại cho UBND xã diện tích 4.170,8m² đất.

Sau khi thanh lý hợp đồng, bàn giao mặt bằng đã thanh lý, UBND xã Đ không quản lý diện tích này, các hộ gia đình vẫn tiếp tục canh tác trên diện tích đã thanh lý hợp đồng.

Về phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB: Ngày 17/10/2014, UBND huyện M có Quyết định số 6286/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ đợt 9 tại xã Đ đối với diện tích đất 26.081,8m² do UBND xã quản lý. Tại Bảng tính kinh phí hỗ trợ công tôn tạo đất, kèm theo Quyết định số 6286/QĐ-UBND, phần diện tích đất 3.007,1m², thửa số 03, tờ bản đồ số 15 của hộ ông Phạm Văn B, hỗ trợ công cải tạo đất là 10% x 135.000 đồng/m² x 3.007,1m² = 40.595.850 đồng; thửa số 04, diện tích 1.163,7m² x 10% x 135.000 đồng/m² = 15.709.950 đồng (tổng là 56.305.800 đồng).

Ngày 20/6/2014, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND (có hiệu lực từ ngày 01/7/2014) về việc ban hành các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố H do Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định của Chính phủ giao cho về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Như vậy, diện tích đất 4.170,8m² mà UBND xã Đ giao thầu cho ông Phạm Văn B là đất công do UBND xã Đ quản lý, diện tích đất trên phải được thu hồi để thực hiện Dự án đường trục trung tâm khu đô thị M, ông B là người nhận khoán thầu với UBND xã Đ và đã bàn giao diện tích đất nêu trên cho UBND xã Đ trước khi UBND huyện M phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đợt 9, vì vậy ông B không được hỗ trợ 10% giá đất nông nghiệp. Việc UBND huyện M phê duyệt phương án hỗ trợ ông B với tỉ lệ 10% x 135.000 đồng đối với diện tích 4.170,8m² đất là đã quan tâm có lợi cho gia đình ông B. Do đó, việc ông B đề nghị được hỗ trợ cải tạo đất theo tỉ lệ 50% trên diện tích 4.170,8m² đất nhận thầu khoán, đã thanh lý hợp đồng, đã bàn giao đất cho UBND xã Đ là không có cơ sở.

Đề nghị Tòa án chấp nhận kết quả giải quyết khiếu nại của UBND thành phố H và đề nghị ông Phạm Văn B chấp hành quyết định giải quyết khiếu nại của UBND thành phố H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Trần Thị B3 (vợ ông B), anh Phạm Thế T và anh Phạm Hòa Q (con ông B): Nhất trí với trình bày của ông Phạm Văn B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2024/HC-ST ngày 29/3/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn B về việc đề nghị Tòa án giải quyết hủy các quyết định hành chính, gồm: Quyết định số 4582/QĐ-UBND ngày 28/9/2015 của Chủ tịch UBND huyện M và Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của Chủ tịch UBND thành phố H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 04/4/2024, ông Phạm Văn B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Quyết định số 4582/QĐ của Chủ tịch UBND huyện M và Quyết định số 2250/QĐ của Chủ tịch UBND thành phố H; buộc UBND huyện M cho gia đình ông B công hỗ trợ cải tạo đất theo Quyết định số 1683/QĐ-UBND của UBND huyện M ngày 07/3/2012 về bồi thường hỗ trợ công cải tạo đất đối với đất công ích.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B cho rằng theo phương án chi tiết bồi thường đợt 1 năm 2011 đã được niêm yết công khai tại địa phương thì trong danh sách có tên hộ gia đình ông B được bồi thường, hỗ trợ công cải tạo đất trên diện tích 4.170,8m² đất nhận thầu khoán, đã thanh lý hợp đồng bằng 20% giá đất nông nghiệp. Gia đình ông B chưa được nhận tiền bồi thường theo phương án này, sau đó bị điều chỉnh tiền bồi thường chỉ còn 10% giá đất nông nghiệp là thiệt hại đến quyền lợi của hộ gia đình ông B. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn B theo hướng hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Kháng cáo của ông Phạm Văn B trong thời hạn luật định và hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng cáo của ông Phạm Văn B là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, bác kháng cáo của ông B và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2024/HC-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục kháng cáo: Ngày 04/4/2024, Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn kháng cáo ông Phạm Văn B kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2024/HC-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; ông B thuộc trường hợp miễn án phí do người cao tuổi có đơn xin miễn tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, kháng cáo của ông Phạm Văn B được xem xét theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện M (ông Trần Thanh H) và Chủ tịch UBND thành phố H (ông Nguyễn Trọng Đ); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị B3, anh Phạm Thế T, anh Phạm Hào Q vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã Đ vắng mặt; người khởi kiện là ông Phạm Văn B, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt người bị kiện. Xét các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, phiên tòa xét xử mở lần 2 nên Tòa án xét xử theo thủ tục chung.

[1.3] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Quyết định số 4582/QĐ của Chủ tịch UBND huyện M và Quyết định số 2250/QĐ của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn B, khu C, thôn N, xã Đ, huyện M là quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai có ảnh hưởng đến quyền lợi của ông B. Do đó, việc khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện vụ án:

Ngày 26/4/2017, ông Phạm Văn B nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu hủy Quyết định số 4582/QĐ của Chủ tịch UBND huyện M và Quyết định số 2250/QĐ của Chủ tịch UBND thành phố H với lý do UBND huyện M không chi trả tiền đền bù hỗ trợ công cải tạo đất theo danh sách đợt 1 và không áp dụng mức chi trả 50% công cải tạo đất, ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông B. Như vậy, việc khởi kiện của ông Phạm Văn B được thực hiện trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn B:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 4582/QĐ của Chủ tịch UBND huyện M.

[2.1.1] Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục ban hành:

Ngày 20/6/2014, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND (có hiệu lực từ ngày 01/7/2014) về việc: Ban hành các nội

dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố H do Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định của Chính phủ giao cho về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Ngày 04/9/2015, UBND huyện M ban hành Quyết định số 4388/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ công tác xác minh nội dung khiếu nại Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ GPMB đợt 9 khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Thành phần đường trục trung tâm đô thị mới M đoạn qua xã Đ của ông Phạm Văn B.

Ngày 15/9/2015, Tổ công tác ban hành Kế hoạch số 01/KH-TCT về việc kiểm tra xác minh nội dung khiếu nại Quyết định số 6286/QĐ-UBND ngày 17/10/2014 của UBND huyện M. Cùng ngày, Tổ công tác tổ chức làm việc, đối thoại với ông Phạm Văn B tại UBND xã Đ và thẩm tra xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 21/9/2015, Tổ công tác ban hành Báo cáo số 04/BC-TCT về việc xác minh nội dung khiếu nại của ông Phạm Văn B, thôn N, xã Đ chưa nhận tiền hỗ trợ GPMB dự án: Thành phần đường trục trung tâm đô thị mới M đoạn qua xã Đ.

Ngày 28/9/2015, Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số 4582/QĐ về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn B, khu C, thôn N, xã Đ (lần 01).

Việc Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại đối với ông Phạm Văn B, khu C, thôn N, xã Đ theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định trình tự giải quyết khiếu nại hành chính.

Như vậy, dự án xây dựng đoạn đường trục trung tâm khu đô thị M thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62, Điều 63 Luật Đất đai năm 2013. Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số 4582/QĐ về việc giải quyết khiếu nại (lần 01) đối với ông Phạm Văn B, khu C, thôn N, xã Đ là đảm bảo đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 66, Điều 69, Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.1.2] Về nội dung:

Xét thấy, diện tích 4.170,8m² đất tại thửa số 03, 04, tờ bản đồ số 02, bản đồ năm 1986 khu vực đầm liến, thôn N, xã Đ, huyện M là diện tích đất nông nghiệp thuộc quỹ đất 5% (diện tích 29.760m²) do UBND xã Đ quản lý, giao thầu khoán cho hộ ông B theo hợp đồng ký hàng năm, thời hạn 01 năm/01 lần.

Trong quá trình sử dụng đất, ông B đã thả cá và sản xuất nông nghiệp; hàng năm, ông B vẫn đóng góp các khoản tài chính theo hợp đồng đã ký với UBND xã Đ, UBND xã Đ giao thầu khoán cho ông Phạm Văn B phân diện tích 29.760m² đất theo Hợp đồng số 03/HĐ-GK ngày 02/01/2012 và thanh lý hợp đồng diện tích đất này tại Hợp đồng số 03/TLHĐ/2012 ngày 31/12/2012.

Ngày 01/01/2013, UBND xã Đ và ông Phạm Văn B ký Biên bản làm việc

về việc bàn giao mặt bằng đã thanh lý hợp đồng đối với diện tích 4.170,8m² đất do UBND xã Đ giao thầu khoán cho ông B, nhưng sau khi thanh lý hợp đồng, bàn giao mặt bằng đã thanh lý, UBND xã Đ không quản lý diện tích này nên các hộ gia đình vẫn tiếp tục canh tác trên diện tích đã thanh lý hợp đồng.

Do đó, diện tích 4.170,8m² đất mà ông B đang canh tác, sử dụng là đất công thuộc UBND xã Đ quản lý, diện tích đất này được thu hồi để thực hiện Dự án đường trục trung tâm khu đô thị M, ông B là người nhận thầu và đã bàn giao diện tích đất nêu trên cho UBND xã Đ trước khi UBND huyện M phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đợt 9 nên ông B không thuộc đối tượng được hưởng đền bù, hỗ trợ giá đất nông nghiệp. Căn cứ theo khoản 2 Điều 20 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố H; Điều 76 Luật Đất đai năm 2013, việc UBND huyện M phê duyệt phương án hỗ trợ hộ gia đình ông Phạm Văn B với tỉ lệ 10% giá đất nông nghiệp (10% x 135.000 đồng/m²) đối với diện tích 4.170,8m² đất là đã có lợi cho gia đình ông B, quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông Phạm Văn B đã được đảm bảo thực hiện.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số 4582/QĐ về giải quyết khiếu nại việc phê duyệt phương án hỗ trợ công cải tạo đất đối với diện tích đất công ích hộ ông Phạm Văn B là hợp lý, khách quan, đúng quy định.

[2.2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 2250/QĐ của Chủ tịch UBND thành phố H.

[2.2.1] Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục ban hành:

Sau khi nhận Quyết định giải quyết khiếu nại số 4582/QĐ, không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 01) của Chủ tịch UBND huyện M, ông Phạm Văn B tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố H.

Ngày 13/11/2015, UBND thành phố H ban hành Công văn số 8132/UBND-BTCD về việc giao Thanh tra thành phố xác minh, kết luận về đơn khiếu nại của ông Phạm Văn B.

Ngày 17/6/2016, Thanh tra thành phố Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 13/4/2017, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 2250/QĐ về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn B, khu C, thôn N, xã Đ, huyện M.

Như vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39 Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 2250/QĐ là đúng hình thức, thẩm quyền và trình tự, thủ tục.

[2.2.2] Về nội dung:

Quá trình thực hiện dự án, UBND huyện M đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Quyết định số 6286/QĐ-UBND ngày 17/10/2014 của

UBND huyện M về việc phê duyệt phương án hỗ trợ công cải tạo đất đối với diện tích đất công ích hộ ông Phạm Văn B nhận thầu khoán với UBND xã Đ.

Do Quyết định số 4582/QĐ của Chủ tịch UBND huyện M về giải quyết khiếu nại (lần 01) bác yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ nên Quyết định số 2250/QĐ của Chủ tịch UBND thành phố H về giải quyết khiếu nại có nội dung không chấp nhận khiếu nại và giữ nguyên Quyết định số 4582/QĐ về việc giải quyết khiếu nại (lần 01) của Chủ tịch UBND huyện M là có cơ sở.

Vì vậy, Quyết định số 2250/QĐ về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Ông Phạm Văn B đề nghị UBND huyện M cho gia đình ông B 50% tiền công hỗ trợ cải tạo đất theo Quyết định số 1683/QĐ-UBND của UBND huyện M ngày 07/3/2012 về bồi thường hỗ trợ công cải tạo đất đối với đất công ích. Tuy nhiên, xét nguồn gốc đất và quá trình sử dụng diện tích đất bị thu hồi để làm dự án của hộ gia đình ông Phạm Văn B như đã phân tích ở đoạn [2.1.2], ông B không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh đất gia đình ông B bị thu hồi là loại đất khi Nhà nước thu hồi được bồi thường hỗ trợ bằng 50% giá đất nông nghiệp. Do đó, việc ông B đề nghị được hỗ trợ cải tạo đất theo tỉ lệ 50% trên diện tích 4.170,8m² đất nhận thầu khoán, đã thanh lý hợp đồng, đã bàn giao đất cho UBND xã Đ là không có cơ sở để giải quyết.

[2.4] Từ những phân tích, đánh giá trên, việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn B, khu C, thôn N, xã Đ, huyện M tại Quyết định số 4582/QĐ của Chủ tịch UBND huyện M và Quyết định số 2250/QĐ của Chủ tịch UBND thành phố H là đã đảm bảo quyền lợi cho ông Phạm Văn B và đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B về nội dung trên.

[2.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Văn B không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới nhưng đề nghị Hội đồng xét xử buộc UBND huyện M hỗ trợ gia đình ông 20% tiền công cải tạo đất theo Quyết định số 1683/QĐ-UBND của UBND huyện M ngày 07/3/2012 về bồi thường hỗ trợ công cải tạo đất đối với đất công ích. Tuy nhiên, như phân tích tại đoạn [2.1.2], diện tích đất ông B sử dụng thuộc quyền quản lý của UBND xã Đ, không thuộc quyền sử dụng của gia đình ông B. Do đó, không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn B; cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Mặc dù kháng cáo của ông Phạm Văn B không được chấp nhận nhưng do ông B là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử phúc thẩm miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Phạm Văn B.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều

12, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của ông Phạm Văn B và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2024/HC-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Phạm Văn B.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, P.HCTP.TANDCC Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thơm